

**TỔNG HỢP GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỂ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ Ở
TẠI KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG XÃ CỘNG HÒA ĐỢT 1 NĂM 2025 (94 LÔ)**

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

của UBND huyện Vụ Bản)

STT	Vị trí	Lô đất	Khu vực	Loại đất	Số lô	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đ/m ²)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	Mặt bằng quy hoạch chi tiết vị trí đấu giá đợt 1 năm 2025 (Tờ 1)				39	4.001,0		31.437.150.000	
1	CL04	01, 20	Tuyến đường D1	ONT	2	220,0	9.900.000	2.178.000.000	Lô góc
2	CL04	Từ 02 đến 19	Tuyến đường D1	ONT	18	1.800,0	9.000.000	16.200.000.000	
3	CL04	21,39	Tuyến đường D2	ONT	2	281,0	7.150.000	2.009.150.000	Lô góc
4	CL04	Từ 22 đến 38	Tuyến đường D2	ONT	17	1.700,0	6.500.000	11.050.000.000	
II	Mặt bằng quy hoạch chi tiết vị trí đấu giá đợt 1 năm 2025 (Tờ 2)				16	2.249,0		16.487.890.000	
1	CL06	01	Đường Gom (Giáp đường Khả Chính - Bối Xuyên)	ONT	1	104,5	9.900.000	1.034.550.000	Lô góc
2	CL06	Từ 02 đến 12	Đường Gom (Giáp đường Khả Chính - Bối Xuyên)	ONT	11	1.100,0	9.000.000	9.900.000.000	
3	BT02	01	Tuyến đường N3	ONT	1	234,5	5.720.000	1.341.340.000	Lô góc
4	BT02	Từ 02 đến 04	Tuyến đường N3	ONT	3	810,0	5.200.000	4.212.000.000	
III	Mặt bằng quy hoạch chi tiết vị trí đấu giá đợt 1 năm 2025 (Tờ 3)				15	2.128,0		15.461.500.000	
1	CL06	23	Đường Gom (Giáp đường Khả Chính - Bối Xuyên)	ONT	1	103,0	9.900.000	1.019.700.000	Lô góc
2	CL06	Từ 13 đến 22	Đường Gom (Giáp đường Khả Chính - Bối Xuyên)	ONT	10	1.000,0	9.000.000	9.000.000.000	
3	BT02	08	Tuyến đường N3	ONT	1	215,0	5.720.000	1.229.800.000	Lô góc

STT	Vị trí	Lô đất	Khu vực	Loại đất	Số lô	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đ/m2)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
4	BT02	Từ 05 đến 07	Tuyến đường N3	ONT	3	810,0	5.200.000	4.212.000.000	
IV	Mặt bằng quy hoạch chi tiết vị trí đấu giá đợt 1 năm 2025 (Tờ 4)				22	2.097,0		13.786.175.000	
1	CL05	Từ 01 đến 07	Tuyến đường N2	ONT	7	630,0	6.500.000	4.095.000.000	
2	CL05	08,15	Tuyến đường D2	ONT	2	239,5	7.150.000	1.712.425.000	Lô góc
3	CL05	Từ 09 đến 14	Tuyến đường D2	ONT	6	600,0	6.500.000	3.900.000.000	
4	CL05	Từ 16 đến 22	Tuyến đường N3	ONT	7	627,5	6.500.000	4.078.750.000	
Tổng cộng (I+II+III+IV)					92	10.475,0		77.172.715.000	